

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2021/HS-PT

Ngày 08/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn

Bà Vũ Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 131/2021/TLPT-HS ngày 18 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Trần Văn D và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 109/2021/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn D, sinh năm 1978 tại thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà 18, ngõ 4 phố T, khu 1 phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Văn S (đã chết) và bà Trần Thị M; có vợ là Đoàn Thị Ngọc D và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo hiện đang thực hiện Quyết định bảo lãnh, hiện tại ngoại (Có mặt).

2. Lê Minh T, sinh năm 1987 tại thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số 19 phố K, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 8/12; con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Phạm Thúy H và 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Ngày 04/4/2004 bị Công an phường T, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, phạt tiền 50.000đ; Ngày

29/11/2006 bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích, phạt tiền 200.000đ; Ngày 02/3/2012 bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, phạt tiền 1.000.000đ; (T đều đã nộp tiền phạt); Bị cáo đang thực hiện Quyết định bảo lãnh, hiện tại ngoại (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962 tại huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 8, thôn K, xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; con ông Nguyễn Văn L và bà Chu Thị B (đều đã chết); có vợ là Vương Thị S và 04 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo đang thực hiện Quyết định bảo lãnh, hiện tại ngoại (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ*: Ông Phạm Văn H – Luật sư Văn phòng luật sư K, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt).

- *Bị hại*: Công ty TNHH thương mại T; địa chỉ: Thị tứ G, xã G, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc công ty – Ông Đinh Văn T. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Ngoài ra còn bị cáo Trịnh Quang H không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH thương mại T (gọi tắt là Công ty T) là doanh nghiệp ngoài nhà nước, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương cấp (*đăng ký lần đầu ngày 24/4/2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 29/11/2017*), có địa chỉ trụ sở chính tại Thị tứ G, xã G, huyện K, tỉnh Hải Dương, người đại diện theo pháp luật là ông Đinh Văn T, sinh năm 1968, trú tại Thị tứ G, xã G, huyện K, tỉnh Hải Dương là Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc Công ty. Công ty T có kho chứa và kinh doanh các mặt hàng phân bón tại địa chỉ khu 11, phường B, TP. Hải Dương.

Trần Văn D giữ chức vụ chuyên môn là Thủ kho của công ty TNHH thương mại T từ năm 2012, theo hợp đồng lao động số 27/2012/HĐLD ngày 01/10/2012, là hợp đồng không có thời hạn. D được phân công làm việc tại Kho của công ty ở Khu 11, phường B, TP. H. Công việc của D được giao là thủ kho có trách nhiệm quản lý kho, căn cứ vào lệnh nhập kho và hóa đơn bán hàng do

kế toán lập, D có trách nhiệm nhập hàng và xuất hàng đúng, đủ số lượng, chủng loại hàng hóa với lái xe, chịu trách nhiệm về thiếu hụt, mất mát hàng hóa trong kho. Khoảng tháng 2/2018, D nghỉ việc, sau khoảng 6 tháng nghỉ việc D lại tiếp tục đi làm và vẫn được công ty giao là Thủ kho theo hợp đồng đã ký.

Khoảng tháng 8/2018, do cần tiền chi tiêu và trả nợ, D nảy sinh ý định lấy phân đạm trong kho của Công ty T do D có trách nhiệm quản lý để bán lấy tiền. D nói với Trịnh Quang H, Lê Minh T và Nguyễn Văn Đ là lái xe của Công ty T, khi vào kho lấy hàng hóa đi giao cho các đại lý thì chở thêm các bao đạm ngoài số lượng đạm được giao theo hóa đơn đi bán cho D. Do D nói là bố D ốm cần tiền chữa bệnh, sau này D sẽ bù lại đạm cho công ty nên H, T và Đ đồng ý. Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 5/2019, D đã nhiều lần cùng H, T, Đ chiếm đoạt 1.500kg đạm Hà Bắc bao vàng và 800kg đạm Hà Bắc xanh của Công ty T, cụ thể:

- **Lần thứ nhất:** Khoảng tháng 8/2018, Trịnh Quang H điều khiển xe ô tô BKS 34C-131.18 là xe của công ty, đến kho lấy đạm theo hóa đơn của chị Đồng Thị T là kế toán của công ty viết đi giao cho các đại lý ở huyện N, tỉnh Hải Dương thì D nhờ H chở thêm 10 bao đạm Hà Bắc bao vàng, tổng trọng lượng 500kg (mỗi bao nặng 50kg) để mang đi bán, H đồng ý. H chở số đạm trên bán cho anh Phạm Văn T1, sinh năm: 1971, trú tại: Khu H, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương là bạn học cấp 2 của H được 3.650.000 đồng và đưa toàn bộ số tiền bán được cho D.

- **Lần thứ hai:** Khoảng tháng 5/2019, khi Lê Minh T điều khiển xe ô tô BKS 34C-140.38 là xe của công ty, đến kho lấy đạm theo hóa đơn chị Đồng Thị T viết đi giao cho các đại lý ở huyện T, Hải Dương thì D nhờ T chở thêm 10 bao đạm Hà Bắc bao vàng (tổng trọng lượng 500kg) qua cống Măng nằm trên đường tỉnh lộ 391 thuộc xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương để bán, T đồng ý. T đi qua cống Măng khoảng 500m thì có người ra nhận 10 bao đạm (D, T đều không nhớ tên, địa chỉ của người mua). Số đạm trên D bán được 3.650.000 đồng nhưng D không nhớ bán cho ai, liên lạc và thanh toán thế nào.

- **Lần thứ ba:** Khoảng tháng 5/2019, khi Lê Minh T điều khiển xe ô tô BKS 34C-140.38 là xe của công ty, đến kho lấy đạm theo hóa đơn do chị Đồng Thị T viết đi giao cho các đại lý ở huyện G, tỉnh Hải Dương thì D bảo T chở thêm 20 bao đạm Hà Bắc xanh tổng trọng lượng 500kg (mỗi bao nặng 25 kg) đi bán, T đồng ý. D đi cùng với T và một người bốc vác (không rõ tên, địa chỉ) đi giao đạm. Quá trình điều tra, D và T khai nhận khi đến nhà ông Bùi Bá L, sinh năm: 1966, trú tại: Thôn L, xã N, huyện G, tỉnh Hải Dương thì D trực tiếp bán cho ông Liễu được 3.500.000 đồng, tuy nhiên ông L không thừa nhận việc trên.

- **Lần thứ tư:** Khoảng tháng 5/2019, khi Nguyễn Văn Đ điều khiển xe ô tô BKS 34C-132.02 là xe của công ty, đến kho lấy đạm theo hóa đơn chị Đồng Thị T viết đi giao cho đại lý của ông Trần Thế N, sinh năm: 1966, ở số 2 T, P. N, TP. H, tỉnh Hải Dương, thì Đ bảo Đ chở thêm 10 bao đạm Hà Bắc bao vàng (tổng trọng lượng 500kg) giao cho ông N. Do trước đó Đ có vay khoảng 04 triệu đồng của bà Đoàn Thị M, sinh năm: 1971, trú tại: số 2 T, P. N, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương là vợ ông N, nên Đ gọi điện thoại cho bà M nói sẽ trả bằng 10 bao đạm Hà Bắc bao vàng thì bà M đồng ý. Sau đó, Đ cùng một người bốc vác (không rõ tên, địa chỉ) đến nhà ông N giao số đạm trên hóa đơn cùng 10 bao đạm Hà Bắc bao vàng Đ bảo chở thêm cho ô.

- **Lần thứ năm:** Vào khoảng tháng 5/2019, khi Nguyễn Văn Đ điều khiển xe ô tô BKS 34C-132.02 là xe của công ty, đến kho lấy đạm theo hóa đơn chị Đồng Thị T viết đi giao cho các đại lý ở T, Hải Dương thì Đ bảo Đ chở thêm 12 bao đạm Hà Bắc xanh (tổng trọng lượng 300kg) đi bán và nhờ một người bốc vác (không rõ tên, địa chỉ) đi cùng Đ thu tiền hộ. Sau khi bán được 12 bao đạm Hà Bắc xanh trên, người bốc vác mang 2.400.000 đồng về đưa cho Đ. Quá trình điều tra, Đ khai nhận bán 12 bao đạm Hà Bắc xanh trên cho đại lý của ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1973, trú tại: Xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương nhưng ông Trang không thừa nhận việc trên.

Ngày 15/7/2019, chị Đồng Thị T, sinh năm 1990, trú tại số 46/362 phố N, phường C, thành phố H, là kế toán của Công ty T viết hóa đơn xuất hàng để Nguyễn Văn Đ - lái xe của công ty đến kho hàng do Đ quản lý lấy phân đạm đi giao cho các đại lý. Khi Đ đến nhận hàng thì trong kho không đủ số lượng phân đạm Hà Bắc bao vàng so với hóa đơn. Chị T kiểm tra trên sổ sách kế toán thấy trong kho bị thiếu hụt hàng hóa, đã báo cáo sự việc với lãnh đạo Công ty T. Ngày 16/7/2019, theo chỉ đạo của lãnh đạo công ty, Đ và chị T tiến hành kiểm đếm hàng hóa trong kho thấy bị thiếu so với sổ sách theo dõi hàng hóa tồn kho. Nên Công ty T đã trình báo sự việc với cơ quan công an để xử lý.

Tại Bản kết luận định giá số 30/KL-HĐĐG ngày 17/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND thành phố H xác định:

- Giá trị 500 kg đạm Hà Bắc bao vàng (Urê Hà Bắc bao vàng), loại 50kg/01 bao, mua mới vào tháng 07/2018 là: $500\text{kg} \times 7.250 \text{ đ/kg} = 3.625.000\text{đ}$.
- Giá trị 1000 kg đạm Hà Bắc bao vàng (Urê Hà Bắc bao vàng), loại 50kg/01 bao, mua mới vào tháng 05/2019 là: $1000\text{kg} \times 7.200 \text{ đ/kg} = 7.200.000\text{đ}$.
- Giá trị 800 kg đạm Hà Bắc xanh (Urê Hà Bắc N46TE), loại 25kg/01 bao, mua mới vào tháng 05/2019 là: $800\text{kg} \times 7.650 \text{ đ/kg} = 6.120.000\text{đ}$.

Tổng giá trị là: 16.945.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 15/7/2019, khi Đ vào kho lấy hàng theo hóa đơn thì phát hiện trong kho thiếu đạ Hà Bắc bao vàng giá trị khoảng gần 37 triệu đồng, trong khi sổ sách kế toán vẫn còn. D nói với chị T là D bồi thường số đạ bị thiếu coi như D mua lại. Nền ngày 16/7/2019, bà Mĩn mẹ D đã thay D nộp 30 triệu đồng để bồi thường cho công ty và khoảng 07 triệu đồng lương tháng 6/2019 của D chưa lĩnh trừ vào số tiền bồi thường. Nhưng lãnh đạo công ty không đồng ý, yêu cầu kiểm tra thực tế hàng trong kho. Cùng ngày 16/7/2019 D và chị T kiểm đếm thì trong kho còn thiếu 20.769.550đ tiền hàng hóa các loại (không tính khoảng 37 triệu đồng tiền đạ Hà bắc bao vàng D đã bồi thường trước đó). Đến ngày 20/7/2019, sau khi tính được lương tháng 6/2019 của D là 8.423.000đ, trừ khoảng gần 07 triệu đồng để bồi thường cho công ty thì lương tháng 6/2017 của D còn 1.500.000đ. Số tiền này trừ vào số tiền hàng hóa bị thiếu khi kiểm kê là 20.769.550đ thì D còn thiếu là 19.200.000đ. Ngày 26/7/2019 bà Mĩn đã nộp nốt số tiền còn lại. Công ty T đã nhận đủ số tiền bồi thường nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản án sơ thẩm số 109/2021/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố H:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353, Điều 17, Điều 58, các điểm b, h, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn D; xử phạt D 04 năm 09 tháng tù về tội Tham ô tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353, Điều 17, Điều 58, các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Minh T và Nguyễn Văn Đ; xử phạt T 03 năm 06 tháng tù, Đ 03 năm 04 tháng tù về tội Tham ô tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Trịnh Quang H; án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 07, 08, 09 tháng 9 năm 2021, bị cáo D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo T, Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị cáo D giữ nguyên kháng cáo, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Đ trình bày cơ bản nhất trí với quan điểm của VKS nhưng đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết sau: Bị cáo Đ có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo là đồng phạm giúp sức cho bị cáo D chỉ vì lòng tốt do bị cáo D bảo cần tiền chữa bệnh cho bố và bị cáo Đ không được hưởng lợi gì từ tài sản chiếm đoạt; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Đ đã nộp trước

án phí hình sự sơ thẩm, ủng hộ quỹ phòng, chống dịch Covid-19 ở địa phương và được bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ, giảm thêm cho bị cáo Đ so với mức VKS đề nghị.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Văn D, Lê Minh T, Nguyễn Văn Đ về tội Tham ô tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 353 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã đánh giá vị trí, vai trò, tính chất, mức độ hành vi, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo D 04 năm 09 tháng tù, bị cáo T 03 năm 06 tháng tù, bị cáo Đ 03 năm 04 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T và Đ tự nguyện nộp trước án phí sơ thẩm, bị cáo Đ tích cực ủng hộ quỹ phòng, chống dịch Covid-19 ở địa phương; bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và Đ; mẹ bị cáo D có đơn trình bày D bị tai nạn lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi con nhỏ. Thấy rằng các bị cáo phạm tội nhiều lần, không thuộc trường hợp được hưởng án treo nhưng đều lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, xử phạt bị cáo D từ 04 năm 03 tháng đến 04 năm 05 tháng tù, bị cáo T từ 02 năm 08 tháng đến 02 năm 10 tháng tù, bị cáo Đ từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng, kết luận giám định cùng những chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Trần Văn D giữ chức vụ là thủ kho của Công ty TNHH thương mại T, có trách nhiệm quản lý hàng hóa là các loại phân, đạm, căn cứ vào lệnh nhập kho và hóa đơn do kế toán lập, D có trách nhiệm nhập hàng và xuất hàng đúng, đủ số lượng, chủng loại hàng hóa với lái xe. D đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình, chiếm đoạt tài sản của công ty mà mình đang trực tiếp quản lý, thông qua các lái xe trong công ty là Trịnh Quang H, Lê Minh T và Nguyễn Văn Đ để vận chuyển số phân đạm của công ty mang ra ngoài đi bán lấy tiền để D sử dụng vào mục đích cá nhân. Từ tháng 8/2018 đến tháng 5/2019, tại kho hàng của Công ty TNHH thương mại T ở Khu

11, phường B, TP. Hải Dương, Trần Văn D đã thực hiện 05 hành vi chiếm đoạt, tổng 1500 kg đạm Hà Bắc bao vàng và 800 kg đạm Hà Bắc xanh, theo kết quả định giá số hàng hóa này có tổng giá trị là 16.945.000đ. Trong đó, vào khoảng tháng 8/2018, D cùng Trịnh Quang H thực hiện một hành vi chiếm đoạt 500 kg đạm Hà Bắc bao vàng, trị giá 3.625.000 đồng; khoảng tháng 5/2019, D cùng Lê Minh T thực hiện hai hành vi chiếm đoạt: một lần chiếm đoạt 500 kg đạm Hà Bắc bao vàng, trị giá 3.600.000 đồng và một lần chiếm đoạt 500 kg đạm Hà Bắc xanh, trị giá 3.825.000 đồng; cũng khoảng tháng 5/2019, D cùng Nguyễn Văn Đ thực hiện hai hành vi chiếm đoạt: một lần chiếm đoạt 500 kg đạm Hà Bắc bao vàng, trị giá 3.600.000 đồng và một lần chiếm đoạt 300 kg đạm Hà Bắc xanh, trị giá 2.295.000 đồng. Bị cáo D 05 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt, bị cáo T và bị cáo Đ đều 02 lần cùng thực hiện hành vi, giúp sức cho bị cáo D, giá trị tài sản chiếm đoạt mỗi lần đều trên 2.000.000đ nên Tòa án nhân dân thành phố H xét xử D, T, Đ về tội Tham ô tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 353 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Về tội danh các bị cáo không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

[2] Về vị trí, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đây là vụ án đồng phạm trong đó D là người khởi xướng, giữ vai trò đầu, T và Đ giữ vai trò giúp sức. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; được bị hại đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự và giảm nhẹ hình phạt; giá trị tài sản chiếm đoạt dưới 100.000.000đ nhưng các bị cáo bị xét xử theo khoản 2 Điều 353 BLHS nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo D và bị cáo Đ đều có bố để được tặng thưởng huân huy chương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo D đã nhờ gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; được tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc khi tham gia quân ngũ nên D được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, v khoản 1 Điều 51 BLHS. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vị trí, vai trò của các bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và áp dụng Điều 54 BLHS, xử phạt D 04 năm 09 tháng tù, T 03 năm 06 tháng tù, Đ 03 năm 04 tháng tù là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy: T và Đ kháng cáo xin hưởng án treo nhưng hai bị cáo đều phạm tội nhiều lần nên thuộc trường hợp không được hưởng án treo. Do đó không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của hai bị cáo. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo đều tự nguyện nộp trước án phí sơ thẩm, bị cáo Đ tích cực ủng hộ quỹ phòng, chống dịch Covid-19 ở địa phương, bị hại tiếp tục có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự và giảm nhẹ cho các bị cáo. Thấy rằng các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, bị cáo D phạm tội do điều kiện, hoàn

cảnh gia đình khó khăn; bị cáo T và bị cáo Đ chỉ là đồng phạm giúp sức, không được hưởng lợi từ tài sản chiếm đoạt; các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ và nay tại cấp phúc thẩm tiếp tục có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn D; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Minh T và Nguyễn Văn Đ; sửa bản án sơ thẩm số 109/2021/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với các bị cáo.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353, điểm b, h, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn D; xử phạt **Trần Văn D** 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù về tội Tham ô tài sản, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Minh T và Nguyễn Văn Đ.

+ Xử phạt **Lê Minh T** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Tham ô tài sản, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

+ Xử phạt **Nguyễn Văn Đ** 02 (Hai) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội Tham ô tài sản, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo Trần Văn D, Lê Minh T, Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 08/12/2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND TP. Hải Dương (6 bản);
- VKSND TP. Hải Dương;
- CQCSĐT, CQTHAHS–CA TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

(đã ký)

Nguyễn Văn Chất